**THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC SƯ PHẠM CHO ĐỘI NGŨ**

**GIÁO VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

NGUYỄN THỊ THEN *1 - NGUYỄN VĂN BẮC 2*

 Trường THCS Nguyễn Trung Trực, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

 Email: nguyenthithen@gmail.com

 *2 Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

 *Email: nguyenvanbac@dhsphue.edu.vn*

**TÓM TẮT**

Năng lực sư phạm là sự huy động, vận dụng, sử dụng kiến thức, thái độ, kĩ năng sư phạm, các giá trị, phẩm chất nhân cách sư phạm và các yếu tố tâm - sinh lí cá nhân khác của người giáo viên vào việc thực hiện vai trò và các hoạt động sư phạm, đảm bảo mang lại hiệu quả cao trong những tình huống khác nhau. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 32 cán bộ quản lí, 150 giáo viên của 10 trường trung học cơ sở ở huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai về hoạt động bồi dưỡng NLSP cho đội ngũ giáo viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số giáo viên nhận thức đúng về sự cần thiết bồi dưỡng NLSP cho giáo viên. Các nội dung hoạt động bồi dưỡng đã bám sát chuẩn của giáo viên phổ thông. Các hình thức và phương pháp bồi dưỡng đa dạng nhưng còn chưa hợp lí, Kết quả bồi dưỡng NLSP cho GV chưa cao. Từ thực trạng này bài viết đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoat động bồi dưỡng NLSP cho đội ngũ ở các trường THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

**Từ khóa:** Năng lực sư phạm, đội ngũ giáo viên, trung học cơ sở, huyện Phú Thiện

**1. Mở đầu**

Năng lực sư phạm (NLSP) là sự huy động, vận dụng, sử dụng kiến thức, thái độ, kĩ năng sư phạm, các giá trị, phẩm chất nhân cách sư phạm và các yếu tố tâm - sinh lí cá nhân khác của GV vào việc thực hiện vai trò và các hoạt động sư phạm, đảm bảo mang lại hiệu quả cao trong những tình huống khác nhau (Phan Trọng Ngọ và Lê Minh Nguyệt, 2017). Ở Việt Nam, trước yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục với trọng tâm chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực HS, GV cần phải được bồi dưỡng năng lực sư phạm (BDNLSP) để làm tốt nhiệm vụ của mình. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông có 05 tiêu chuẩn (15 tiêu chí chuẩn nghề nghiệp) của GV, đó là: Phẩm chất nhà giáo; Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; Xây dựng môi trường giáo dục; Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục (Bộ GD-ĐT, 2018). NLSP của mỗi GV phổ thông phải đáp ứng được các tiêu chuẩn của Chuẩn nghề nghiệp.

Hiện nay, đội ngũ GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai vẫn còn bất cập về chất lượng. Trình độ chuyên môn của GV được nâng lên nhưng chưa đồng đều, nhiều GV trẻ về tuổi đời tuổi nghề nên chưa có kinh nghiệm giảng dạy, kĩ năng sư phạm, kĩ năng nghề nghệp có những hạn chế nhất định như: sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin chưa thành thục; thiếu linh hoạt và chậm đổi mới phương pháp dạy học, chưa thu hút được sự chú ý và hứng thú học tập của HS; đặc biệt là hoạt động tự bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ của GV chưa thực sự là nhu cầu tự thân. Bài báo đánh giá thực trạng hoạt động BDNLSP cho đội ngũ GV ở các trường THCS trên địa bàn huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả BDNLSP cho đội ngũ GV ở các trường trên địa bàn nghiên cứu.

**2. Kết quả nghiên cứu**

***2.1. Một số khái niệm cơ bản***

*- Năng lực sư phạm.* NLSP có thể được hiểu là tổ hợp những kiến thức, kĩ năng, thái độ cần thiết để thực hiện thành công các công việc chuyên môn của nghề dạy học theo những tiêu chuẩn, tiêu chí đặt ra đối với từng công việc đó. Các thành tố này không tồn tại riêng lẻ mà chúng hòa quyện, đan xen vào nhau tạo nên một cấu trúc là một tổ hợp những thành tố quan hệ chặt chẽ với nhau để tạo ra một thể thống nhất toàn vẹn (Nguyễn Thị Thanh Hiền và cộng sự, 2018). Gonobolin (1997) coi NLSP là một trong những phẩm chất tâm lí của GV. Năng lực nói chung và NLSP nói riêng vốn không có sẵn trong con người, không phải là những phẩm chất bẩm sinh mà nó được hình thành và phát triển qua hoạt động học tập, lao động và trong hoạt động nghề nghiệp. Trong quá trình làm việc, năng lực này tiếp tục được phát triển và hoàn thiện. Theo sự phân tích này, NLSP tích hợp kiến thức, kĩ năng và thái độ: các năng lực thực hành, giao tiếp, giải quyết vấn đề và các kĩ năng trí tuệ; thái độ lao động nghề nghiệp; khát vọng học tập và cải thiện; khả năng thích ứng để thay đổi; khả năng áp dụng kiến thức vào công việc; ý thức và khả năng hợp tác, làm việc cùng với người khác trong tổ, nhóm... Trong đó, các thành tố kĩ năng thực hành là biểu hiện cao nhất của NLSP. Quá trình hình thành NLSP phải gắn với luyện tập, thực hành theo các công việc thuộc nghề sư phạm và đảm bảo thực hiện với chất lượng cao và có hiệu quả (Vũ Quốc Chung và Nguyễn Văn Cường, 2009). Theo nghiên cứu của Phan Trọng Ngọ và Lê Minh Nguyệt (2017), NLSP của GV trung học chịu tác động mạnh bởi các yếu tố: Sự nỗ lực của bản thân; Kinh nghiệm tích lũy trong quá trình dạy học, giáo dục học sinh; Tổ chức hoạt động chuyên môn, chính sách của nhà trường, ngành Giáo dục; Các phong trào thi đua dạy và học; Sự hợp tác từ phía học sinh, phụ huynh và cộng đồng; Cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ và tôn vinh nhà giáo. De la Iglesia (2023) nhấn mạnh NLSP của GV mới vào nghề thể hiện trong trải nghiệm đầu tiên của họ với tư cách là GV để đánh giá việc đào tạo mà GV tương lai nhận được có phù hợp với cam kết xã hội được cơ sở đào tạo tuyên bố hay không.

Từ những quan niệm ở trên, khái niệm “năng lực sư phạm” dùng trong nghiên cứu của luận văn này được hiểu như sau: Năng lực sư phạm là các tổ hợp của ba thành tố kiến thức, kỹ năng và thái độ sư phạm mà mỗi GV cần có để hoàn thành được những nhiệm vụ và công việc của nghề sư phạm đạt chuẩn quy định trong những điều kiện nhất định.

*- BDNLSP cho* *GV.* Hoạt động bồi dưỡng theo nghĩa rộng là quá trình đào tạo nhằm hình thành nhân cách và những phẩm chất riêng biệt của nhân cách theo định hướng mục đích đã chọn. Theo nghĩa hẹp, đây là hoạt động nhằm trang bị kiến thức, kĩ năng nhằm mục đích nâng cao và hoàn thiện năng lực hoạt động trong các lĩnh vực cụ thể (Bùi Hiền và cộng sự, 2002). Bồi dưỡng được coi là quá trình cập nhật kiến thức còn thiếu hoặc lạc hậu, bổ túc văn hóa, bổ túc nghề nghiệp, đào tạo thêm hoặc củng cố những kĩ năng về chuyên môn nghiệp vụ sư phạm theo các chuyên đề. Các hoạt động này tạo điều kiện cho GV và CBQL giáo dục có điều kiện củng cố, mở rộng hệ thống những tri thức, kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm hoặc quản lí GD-ĐT cho lao động nghề nghiệp có hiệu quả cao hơn. Đồng thời, bồi dưỡng là quá trình tác động của chủ thể giáo dục đến đối tượng được giáo dục làm cho đối tượng được giáo dục tăng thêm năng lực, phẩm chất và phát triển theo hướng tốt hơn. Công tác bồi dưỡng phải được thực hiện trên nền kiến thức đã được trang bị từ trước.

NLSP của GV được hình thành và phát triển trong quá trình đào tạo tại các trường sư phạm, qua hoạt động nghề nghiệp của GV và qua các hoạt động tự bồi dưỡng, bồi dưỡng (đào tại lại) thường xuyên hoặc theo chu kì (Phan Trọng Ngọ, 2016). Tác giả De la Iglesia (2023) cho rằng, BDNLSP là hoạt động trang bị kiến thức, kĩ năng cho GV nhằm nâng cao phẩm chất, NLSP của đội ngũ nhà giáo về kiến thức và kĩ năng sư phạm. Ngoài ra, quá trình này đội ngũ GV còn được bồi dưỡng những tri thức mới về khoa học công nghệ hay những thay đổi về hệ thống văn bản pháp quy của Đảng và Nhà nước về giáo dục, là động lực mạnh mẽ nhất trong quá trình GV tự hoàn thiện mình. Hoạt động bồi dưỡng NLSP cho GV là hoạt động thường xuyên, vừa là nghĩa vụ, trách nhiệm vừa là quyền lợi của nhà giáo theo phương châm “học tập suốt đời” và “học cách học” nhằm tăng cơ hội tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp cũng như thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp thay đổi (Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Văn Cường, 2009).

Tiếp cận các quan điểm khác nhau về hoạt động bồi dưỡng NLSP, trong phạm vi nghiên cứu này, hoạt động bồi dưỡng NLSP được hiểu là quá trình giúp GV cập nhật, bổ sung và rèn luyện những NLSP cần thiết để đảm bảo GV thực hiện công việc dạy học và giáo dục đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục hiện nay.

***2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng***

*Mục đích nghiên cứu:* Đánh giá thực trạng hoạt động BDNLSP cho đội ngũ GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này.

*Nội dung khảo sát:* thực trạng nhận thức của CBQL, GV về mức độ cần thiết BDNLSP cho đội ngũ GV THCS huyện Phú Thiện, thực trạng thực hiện nội dung, hình thức, phương pháp BDNLSP cho đội ngũ GV.

*Khách thể khảo* *sát:* gồm 32 CBQL (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn) và 150 GV của 10 trường THCS huyện Phú Thiện, bao gồm: Trường THCS Quang Trung; THCS Hoàng Hoa Thám; THCS Trần Quốc Toản; THCS Nguyễn Trung Trực; THCS Trưng Vương; THCS Ngô Gia Tự; THCS Nguyễn Tất Thành; THCS Lê Quý Đôn; THCS Nguyễn Du; THCS Trường Chinh.

*Phương pháp khảo sát*: chủ yếu là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Các câu hỏi trong phiếu điều tra được xây dựng theo thang đo Likert 4; tương ứng với điểm số từ 1 đến 4. Do đó, cách tính khoảng ĐTB theo công thức = (Maximum - Minimum)/n = (4 -1)/4 = 0,75: Không thực hiện/ Yếu: 1,0≤ĐTB<1,75; Ít thường xuyên/Trung bình: 1,75≤ĐTB<2,50; Khá thường xuyên/Khá: 2,50≤ĐTB<3,25; Thường xuyên/Tốt: 3,25≤ĐTB≤4,0.

Dữ liệu thu thập được xử lí bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 với đại lượng thống kê mô tả độ lệch chuẩn (ĐLC), tính tỉ lệ % và điểm trung bình (ĐTB). Bên cạnh đó, phương pháp phỏng vấn cũng được sử dụng để nhằm thu thập thêm các thông tin bổ sung cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

***2.3. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai***

*2.3.1. Nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Phú Thiện về sự cần thiết của bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên*

*Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV**về mức độ cần thiết BDNLSP cho đội ngũ GV THCS huyện Phú Thiện*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mức độ cần thiết** | **Số lượng**  | **Tỉ lệ (%)** |
| 1 |  Không cần thiết  | 3 | 1,6 |
| 2 |  Ít cần thiết | 24 | 13,2 |
| 3 |  Cần thiết  | 80 | 44,0 |
| 4 |  Rất cần thiết  | 75 | 41,2 |

Số liệu ở bảng 2 cho thấy, phần lớn CBQL và GV đánh giá về hoạt động BDNLSP cho GV THCS “rất cần thiết” và “cần thiết”của hoạt động BDNLSP cho GV với tỉ lệ 85,2%. Bên cạnh ưu điểm đó vẫn còn không ít CBQL và GV (14,8%) cho rằng công tác này “ít cần thiết”, thậm chí “không cần thiết”. Với kêt quả này cho thấy, các trường THCS huyện Phú Thiện cần có biện pháp nâng cao hơn nữa về nhận thức cho đội ngũ CB, GV có như vậy việc BDNLSP, đặc biệt là hoạt động tự BDNLSP của đội ngũ GV mới đạt hiệu quả cao.

*2.3.2. Thực trạng thực hiện các nội dung bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*

*Bảng 2.**Đánh giá của CBQL, GV**về mức độ thực hiện các nội dung BDNLSP cho đội ngũ GV THCS huyện Phú Thiện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** |
| **ĐTB** | **ĐLC** | **XH** |
| I | **Bồi dưỡng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ** | **2,94** |
| 1 | Phát triển chuyên môn  | 3,15 | 0,68 | 1 |
| 2 | Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS | 2,93 | 0,81 | 2 |
| 3 | Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS | 2,77 | 0,87 | 4 |
| 4 | Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS | 2,93 | 0,86 | 2 |
| 5 | Tư vấn và hỗ trợ HS | 2,92 | 0,84 | 3 |
| II | **Bồi dưỡng về xây dựng môi trường giáo dục** | **3,00** |
| 1 | Xây dựng văn hóa nhà trường | 2,95 | 0,77 | 3 |
| 2 | Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường | 2,96 | 0,71 | 2 |
| 3 | Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường | 3,09 | 0,69 | 1 |
| III | **Bồi dưỡng về xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | **3,06** |
| 1 | Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS và các bên liên quan | 3,07 | 0,78 | 2 |
| 2 | Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho HS | 3,08 | 0,66 | 1 |
| 3 | Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho HS | 3,04 | 0,56 | 3 |
| IV | **Bồi dưỡng về sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, GD** | **2,86** |
| 1 | Sử dụng tiếng Anh | 2,45 | 0,63 | 2 |
| 2 | Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, GD | 3,26 | 0,84 | 1 |
| **ĐTB chung** | **2,97** |

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, đa số CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện các nội dung BDNLSP cho đội ngũ GV là ở mức thực hiện “Khá thường xuyên” với ĐTB chung từ 2,97. Trong đó, nội dung bồi dưỡng được đánh giá thường xuyên nhất là “Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục ” và phát triển chuyên môn với ĐTB lần lượt là 3,26 và 3,15. Nội dung bồi dưỡng ít thường xuyên nhất là “Sử dụng tiếng Anh” với ĐTB là 2,45. Còn lại các nội dung BDNLSP khác chỉ thực hiện ở mức “khá thường xuyên”. Với số liệu trên, các trường cần xem xét một số nội dung có mức độ thấp để chỉ đạo các tổ tăng cường hơn nữa các hoạt động để nâng cao NLSP cho đội ngũ GV nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông.

### Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về kết quả thực hiện các nội dung BDNLSP cho đội ngũ GV THCS huyện Phú Thiện

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** |
| **ĐTB** | **ĐLC** | **XH** |
| 1 | Bồi dưỡng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ | 3,12 | 0,57 | 2 |
| 2 | Bồi dưỡng về xây dựng môi trường giáo dục | 3,06 | 0,49 | 3 |
| 3 | Bồi dưỡng về xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 3,17 | 0,60 | 1 |
| 4 | Bồi dưỡng về sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục | 2,87 | 0,47 | 4 |
| **ĐTB chung** | **3,06** |

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, công tác BDNLSP cho GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đạt ở mức khá tốt với ĐTB là 3,06. Trong các nhóm cần BDNLSP cho đội ngũ GV thì nhóm “*Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội*” cho kết quả ở mức tốt nhất với ĐTB chung 3,17. Tiếp đến là nhóm năng lực về “Bồi dưỡng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ” với kết quả khá tốt với ĐTB là 3,17. Nhóm bồi dưỡng NLSP có kết quả thấp nhất là “Bồi dưỡng về sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục” với ĐTB là 2,87. Với số liệu trên cho thấy, các trường THCS trên địa bàn huyện Phú Thiện cần quan tâm và chỉ đạo sát sao hơn nữa tới công tác bồi dưỡng NLNSP cho đội ngũ GV ở các trường THCS.

*2.3.3. Thực trạng sử dụng các hình thức bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên ở các trường trung học cơ sởhuyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*

*Bảng 4.**Đánh giá của CBQL, GV**về các hình thức BDNLSP cho đội ngũ GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  | **Mức độ đánh giá** |
| **ĐTB** | **ĐLC** | **XH** |
| **I** | **Hoạt động tự bồi dưỡng theo chương trình quy định** |  **2,97**  |
| 1 | Tự nghiên cứu tài liệu từ các nguồn khác nhau | 2,97 | 0,53 | 2 |
| 2 | Thông qua đồng nghiệp, bạn bè | 2,98 | 0,5 | 1 |
| **II** | **Bồi dưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm, thực tiễn** |  **3,05** |
| 1 | Thông qua dự giờ, thăm lớp | 3,05 | 0,45 | 2 |
| 2 | Tham quan học tập kinh nghiệm | 3,02 | 0,53 | 4 |
| 3 | Các đơn vị trường học tự tổ chức tập huấn | 3,04 | 0,47 | 3 |
| 4 | Thông qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường | 3,08 | 0,48 | 1 |
| 5 | Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường | 3,04 | 0,51 | 3 |
| **III** | **Bồi dưỡng qua học tập chuyên đề do cấp trên tổ chức** |  **3,04** |
| 1 | Mời chuyên gia báo cáo | 3,07 | 0,53 | 1 |
| 2 | Cán bộ cốt cán Sở/Phòng GD&ĐT báo cáo | 3,01 | 0,56 | 2 |
| 3 | Bồi dưỡng trực tuyến qua Internet | 3,05 | 0,48 | 2 |
| **IV** | **Bồi dưỡng thông qua các cuộc thi** |  **3,02** |
| 1 | Thông qua cuộc thi thiết kế đồ dùng dạy học | 3,02 | 0,53 | 3 |
| 2 | Thông qua thi thiết bài giảng điện tử | 2,97 | 0,51 | 4 |
| 3 | Thông qua thi GV dạy giỏi | 3,03 | 0,58 | 2 |
| 4 | Thông qua thi dạy học theo chủ đề tích hợp | 3,02 | 0,58 | 3 |
| 5 | Thông qua thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật | 3,08 | 0,48 | 1 |
| **ĐTB chung** | **3,02** |

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, các hình thức bồi dưỡng cho đội GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện khá đa dạng với mức độ sử dụng “khá thường xuyên” với ĐTB là 3,02. Trong đó, nội dung được đánh giá mức cao nhất đó là hình thức bồi dưỡng thông qua “sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường” “qua thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật” “Thông qua dự giờ, thăm lớp” “Mời chuyên gia báo cáo” “Bồi dưỡng trực tuyến qua Internet” với ĐTB dao động từ 3,08 đến 3,05. Cón các hình thức BDNLSP khác cho đội ngũ GV cũng chỉ ở mức thấp của mức “khá thường xuyên”. Thông tưsố 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, hàng năm có nhiều nội dung đòi hỏi GV phải tự bồi dưỡng bằng nhiều cách thức khác nhau như tự nghiên cứu liệu, trao đổi tổ chuyên môn... nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao mức độ đáp ứng của GV cơ sở giáo dục phổ thông đối với yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông và yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông. Như vậy, để nâng cao NLSP cho GV các trường THCS ở huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai cần đa dạng các hình thức tự bồi dưỡng và tiến hành ở mức thường xuyên hơn, đặc biệt là triển khai hình thức tự bồi dưỡng của đội ngũ GV.

*2.3.4. Thực trạng sử dụng các phương pháp bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*

*Bảng 5.* *Đánh giá của CBQL, GV**về mức độ thực hiện các phương pháp BDNLSP cho đội ngũ GV THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** |
| **ĐTB** | **ĐLC** | **XH** |
| 1 | Thuyết trình kết hợp minh hoạ bằng hình ảnh | 3,55  | 0,59 | 2 |
| 2 | Phối hợp các phương pháp | 3,15  | 0,83 | 4 |
| 3 | Nêu vấn đề, cá nhân nghiên cứu tài liệu, trình bày báo cáo | 3,04  | 0,75 | 6 |
| 4 | Thuyết trình của báo cáo viên  | 3,02  | 0,76 | 7 |
| 5 | Nêu tình huống, tổ chức giải quyết theo nhóm | 3,65  | 0,52 | 1 |
| 6 | Thuyết trình kết hợp luyện tập, thực hành | 3,31  | 0,66 | 3 |
| 7 | Tọa đàm, trao đổi | 3,07  | 0,83 | 5 |
|  |  **ĐTB chung**  | **3,23** |

Kết quả bảng 5 cho thấy, mức độ sử dụng các phương pháp trong BDNLSP cho đỗi ngũ GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện gần sát mức “thường xuyên” với ĐTB là 3,23.Trong đó, phương pháp bồi dưỡng được đánh giá cao và được sử dụng thường xuyên là “Nêu tình huống, tổ chức giải quyết theo nhóm” với ĐTB 3,65 và phương pháp “Thuyết trình kết hợp minh hoạ bằng hình ảnh” với ĐTB 3,55 và Phương pháp “Thuyết trình kết hợp luyện tập, thực hành” với ĐTB là 3,31. Các phương pháp còn lại dự vào số liệu cho thấy đều đạt ở mức “khá thường xuyên” cao với ĐTB dang động từ 3,15 đến 3,02. Với số liệu trên cho thấy, các phương pháp sử dụng trong bồi dưỡng NLSp đều mang lại hiệu quả tích cực. và như vậy, các trường cần phát huy và người hiệu trưởng cần chỉ đạo các tổ vận dụng linh hoạt các phương pháp trong BDNLSP thì sẽ đem lại hiệu quả cao hơn.

***2.4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả bồi dưỡng năng lực sư phạm******cho giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai***

*- Đối với Phòng GD-ĐT huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai:* + Xây dựng văn bản hướng dẫn, chỉ đạo nhằm tăng cường quyền chủ động cho nhà trường trong quản lí BDNLSP cho GV THCS và có chính sách ưu đãi thỏa đáng đối với các trường THCS quản lí tốt BDNLSP cho GV theo yêu cầu đổi mới; + Phổ biến, triển khai thực hiện hệ thống biện pháp quản lí BDNLSP cho GV tại các trường THCS, làm cơ sở đổi mới hoạt động BDNLSP cho GV; + Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường THCS, đảm bảo điều kiện tổ chức tốt công tác BDNLSP cho GV tại cơ sở; + Có cơ chế, chính sách hỗ trợ trong việc phát triển, thu hút chuyên gia và các nguồn lực phục vụ công tác BDNLSP cho GV chất lượng cao trên cơ sở những thành tựu, kết quả đạt được từ hiệu quả quản lí bồi dưỡng GV THCS phù hợp với điều kiện, tình hình địa phương; + Trao quyền tự chủ thật sự để CBQL cấp cơ sở có thực quyền trong quản lí các mặt hoạt động của nhà trường và quản lí BDNLSP cho GV theo yêu cầu đổi mới; + Xem xét các nội dung và chương trình BDNLSP cho GV THCS để có các đề xuất cải tiến nội dung cho phù hợp với hoàn cảnh kinh tế - xã hội của địa phương; + Nâng cao hơn trong việc xây dựng các hình thức BDNLSP đa dạng, phong phú nhằm đem lại hứng thú cho các GV khi tham gia học tập; + Tăng cường việc chia sẻ các clip bài giảng hay của GV dạy giỏi, các clip kinh nghiệm của GV chủ nhiệm giỏi đến các trường để tất cả các GV có thể học hỏi lẫn nhau.

*- Đối với hiệu trưởng các trường THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai:*+ Điều tra, khảo sát để nắm vững chất lượng đội ngũ GV và nhu cầu đội ngũ GV trong việc bồi dưỡng nâng cao NLSP cho GV; + Xây dựng kế hoạch BDNLSP cho GV; + Đẩy mạnh công tác tổ chức chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV tại đơn vị; + Thường xuyên có những chế độ khen thưởng động viên GV tích cực tham gia các hội thi và đạt thành tích cao; + Tạo điều kiện cho GV tham gia học tập tại các lớp bồi dưỡng; + Tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng về lí luận và thực tiễn quản lí giáo dục nói chung và quản lí nhà trường THCS nói riêng để biết phương pháp tổ chức các hoạt động BDNLSP cho GV

*- Đối với đội ngũ GV THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai:* + Tự đánh giá thật khách quan trình độ và năng lực thực tế của mình để có thể đưa ra nhu cầu cần được bồi dưỡng nhằm tạo đủ phẩm chất và năng lực thực hiện nhiệm vụ giáo dục và dạy học theo yêu cầu đổi mới giáo dục THCS; + Lập kế hoạch và chủ động thực hiện kế hoạch tự bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng bổ trợ của cá nhân, đồng thời, không ngừng tự cập nhật kiến thức và kĩ năng mới của bản thân, đáp ứng hiệu quả yêu cầu giáo dục tiểu học, cộng đồng và gia đình của HS; + Tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng; đồng thời vận dụng các kiến thức đã được bồi dưỡng vào hoạt động nghề nghiệp của mình.

**3. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác BDNLSP cho đội ngũ GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đã đạt kết quả ở mức khá tốt. Đa số CBQL và GV đều đánh giá tương đối cao về cả 04 nhóm NLSP cần bồi dưỡng cho GV. Các năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, quan hệ xã hội (năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội) được lựạ chọn nhiều hơn các năng lực bổ trợ (năng lựcxây dựng môi trường giáo dục;năng lực sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục). Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể thì công tác BDNLSP cho đội ngũ GV ở các trường THCS huyện Phú Thiện cần quan tâm, chỉ đạo sát sao hơn để trong thời gian tiếp theo hoạt động bồi dưỡng NLPS cho GV đạt kết quả nhất nhằm thực hiện thành công đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Bộ GD-ĐT (2018). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.*

[2]. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển giáo dục học.* Nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội.

[3]. De la Iglesia, P. E. (2023). La capacidad de agencia pedagógica de profesores/as novicios/as desarrollada en la formación inicial docente. *Revista Saberes Educativos, 11*, 1-20. <https://doi.org/10.5354/2452-5014.2023.71396>

[3]. Gonobolin, F. N. (1977). *Những phẩm chất tâm lí của người giáo viên* (tập 1, 2) (người dịch: Nguyễn Thế Hùng, Ninh Giang ). NXB Giáo dục.

[4]. Nguyễn Thị Thanh Hiền, Đàm Thị Ngọc Ngà, Phùng Nguyễn Quỳnh Nga (2018). Đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm nghệ an nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 6,* 64-67.

[6]. Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Việt Cường (2009). Năng lực sư phạm người giáo viên. *Tạp chí Giáo* dục, số 211, 11-12; 26.

[7]. Phan Trọng Ngọ, Lê Minh Nguyệt (2017). Năng lực sư phạm của giáo viên trung học. *Tạp chí Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 142*, 19-23.

[8]. Vũ Quốc Chung, Nguyễn Văn Cường (2009). *Cải cách đào tạo bồi dưỡng giáo viên theo định hướng chuẩn và năng lực nghề nghiệp*, Tạp chí Giáo dục, số 219, 3-5; 8.

**MEASURES TO IMPROVE PEDAGOGICAL CAPACITY TRAINING ACTIVITIES FOR TEACHERS IN MIDDLE SCHOOLS IN PHU THIEN DISTRICT, GIA LAI PROVINCE**

**ABSTRACT**

Pedagogical capacity is the mobilization, application and use of knowledge, attitudes, pedagogical skills, values, pedagogical personality qualities and other personal psychological and physiological factors of teachers. in performing pedagogical roles and activities, ensuring high effectiveness in different situations. The study conducted a survey of 32 administrators and 150 teachers of 10 secondary schools in Phu Thien district, Gia Lai province on activities to foster pedagogical capacity for teachers. Research results show that the majority of teachers are correctly aware of the need to foster pedagogical capacity for teachers. The content of training activities closely follows the standards of high school teachers. The forms and methods of training are diverse but still not reasonable. The results of training pedagogical capacity for teachers are not high. From this situation, the article proposes some measures to improve the effectiveness of pedagogical capacity training activities for staff in secondary schools in Phu Thien district, Gia Lai province.

**Keywords**

Pedagogical capacity, teaching staff, secondary school, Phu Thien district

**Thông tin tác giả**

NGUYỄN THỊ THEN

Trường THCS Nguyễn Trung Trực, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

HỌC VIÊN CAO HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC K30

 ĐT: 0867421567 Email: nguyenthithen@gmail.com

PGS. TS. NGUYỄN VĂN BẮC

Khoa Tâm lý và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

ĐT: 0988878070; Email: *nguyenvanbac@dhsphue.edu.vn*